

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 01 - 2025

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thuỷ

2. Bà Chung Kim sang

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HN ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Phương T, sinh ngày 20/08/1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 106A ấp Q, xã B, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh La Hải Đ, sinh ngày 06/01/1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 38/11 đường G, phường T2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/08/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trương Thị Phương T trình bày:*** Chị T và anh Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2022, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170 ngày 24/10/2022. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tại số 38/11 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Vĩnh Thanh, thành phố G, tỉnh Kiên Giang đến tháng 07 năm 2024 thì chị T về nhà mẹ ruột ở tại số 106A ấp Cây Quéo, xã Thạnh

Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc hưng đến khoảng tháng 11/2023 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cách sống giữa vợ chồng, cách dạy con, ngoài ra chị T có mâu thuẫn với mẹ chồng từ đó vợ chồng mâu thuẫn cự cãi nhau dẫn đến anh Đ đánh chị T nhiều lần, mặc dù hai bên gia đình của vợ, chồng có hoà giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không khắc phục. **Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Đ không còn tình cảm nên không thể hòa hợp và hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.**

Về con chung: Chị Trương Thị Phương T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên La Phước T1, sinh ngày 23/04/2023. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Phương T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích T xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Đ nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Đ; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung, chị T giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh La Hải Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Phương T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh La Hải Đ và anh Đ là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh La Hải Đ không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh Đ cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T yêu cầu xét xử

vắng mặt bị đơn anh Đ theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Phương T và anh La Hải Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có Đ ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170 ngày 24/10/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh Đ không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị T xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được khoảng thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do tính tình cả hai vợ chồng không hoà hợp, luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống hằng ngày từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau. Đến tháng 07/2024 thì chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian chị T, anh Đ sống ly thân anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị T cũng như chứng cứ do chị T cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị Phương T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên La Phước T1, sinh ngày 23/04/2023, hiện nay đang sinh sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu T1 đã sinh sống cùng chị T từ khi mới sinh đến nay, hiện nay cháu T1 cũng mới hơn 01 tuổi nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T1 cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Phương T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung; Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh Đ có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Phương T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Phương T được ly hôn với anh La Hải Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Phương T tiếp tục nuôi dưỡng người con tên La Phước T1, sinh ngày 23/04/2023. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh La Hải Đ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Phương T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Phương T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000007484 ngày 11/09/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/01/2025), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh